

Số: 33 /2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 26 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non
và phổ thông công lập do địa phương quản lý năm học 2014 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập do địa phương quản lý năm học 2014 - 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập do địa phương quản lý năm học 2014 - 2015 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về mức thu học phí, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế quản lý, sử dụng học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh An Giang năm học 2014 - 2015.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Học sinh học tại các trường mầm non công lập (nhà trẻ, mẫu giáo).
- b) Học sinh học tại các trường trung học cơ sở công lập.
- c) Học sinh học tại các trường trung học phổ thông công lập.

3. Đơn vị tổ chức thu học phí:

- a) Các trường mầm non công lập (nhà trẻ, mẫu giáo).
- b) Các trường trung học cơ sở công lập.
- c) Các trường trung học phổ thông công lập.

4. Mức thu học phí:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng.

Vùng (địa bàn)	Nhà trẻ	Mẫu giáo bán trú	Mẫu giáo 3, 4 tuổi	Mẫu giáo 5 tuổi	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1. Nội ô thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu (thành thị)	80.000	120.000	80.000	40.000	50.000	50.000
2. Ngoại ô thành phố Long Xuyên, Châu Đốc, thị xã Tân Châu và các thị trấn	50.000	90.000	45.000	40.000	40.000	40.000
3. Vùng đồng bằng khác (nông thôn)	25.000	50.000	30.000	0	20.000	20.000
4. Vùng kinh tế - xã hội khó khăn (miền núi)	10.000	25.000	15.000	0	15.000	15.000

5. Chính sách không thu học phí, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

a) Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015; Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP.

b) Không thu học phí đối với phổ cập mẫu giáo 5 tuổi ở vùng nông thôn và vùng kinh tế xã hội khó khăn.

c) Miễn thu học phí đối với học sinh là người dân tộc Khmer và Chăm.

6. Thu học phí: Học phí được thu định kỳ hàng tháng. Trường hợp học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm học.

7. Cơ chế quản lý và sử dụng học phí:

a) Học phí thu được để lại 100% cho các cơ sở giáo dục công lập, để sử dụng theo quy định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Các cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm đăng ký với cơ quan thuế về mức thu học phí để nhận biên lai thu học phí và gửi toàn bộ số học phí thu được vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch. Việc thu, chi học phí phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

c) Các cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

8. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010

của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015; Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với các trường mầm non và phổ thông công lập do địa phương quản lý năm học 2012 - 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ sở đào tạo có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- TT, TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo, Đài PTTH, Website An Giang;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. TH, VHXXH, TT. Công báo - Tin học.



Nguyễn Thanh Bình